

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-ST

Ngày 10 - 4 - 2024

V/v Tranh chấp Hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ- THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Đỗ Thị Minh Loan**

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà **Nguyễn Thu Hương**

Bà **Nguyễn Thị Ngọc**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Ngô Thị Mơ**, Thư ký Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:** Bà **Khuất Thu Hương** - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 4 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2024 về việc Tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1975 (Có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị **Mai Thị Th**, sinh năm 1987 (Có đơn xin giải quyết vắng mặt)

Nơi ĐKKHKT: Địa chỉ: Thôn X, xã X, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Chỗ ở hiện nay: 76C5, khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và các bản khai tiếp theo của các bên đương sự tại Toà án, vụ án có nội dung như sau:

Anh Nguyễn Văn T và chị Mai Thị Th có thời gian tìm hiểu và tự nguyện kết hôn cùng nhau. Anh chị đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 29/11/2021. Sau khi kết hôn, chị Th quê ở tỉnh Bến Tre về chung sống cùng gia đình anh T tại xã X, huyện P, Thành phố Hà Nội.

Về nguyên nhân mâu thuẫn, theo anh T trình bày thì: Anh chị sống hạnh phúc được hơn một năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm về tập tục, lối sống. Chị Th người quê ở Bến Tre, không quen với phong tục, lối sống của Miền Bắc. Vợ chồng thỉnh thoảng cãi vã. Bản thân chị Th thấy không

thể sống quen với môi trường, phong tục quê anh nên muốn quay về Miền Nam sinh sống, còn anh thì có mẹ già yếu, anh muốn ở quê để chăm sóc mẹ già và lo việc thờ cúng tổ tiên. Do không thống nhất được nên chị Th đã đưa con theo, bỏ vào Nam sinh sống từ tháng 5/2022. Anh đã thuyết phục vợ nhưng không được. Từ đó, vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Anh chỉ liên hệ để hỏi thăm con chứ hai bên không còn quan tâm đến cuộc sống riêng của nhau nữa. Anh thấy rằng vợ chồng không thể hàn gắn và không thể tiếp tục cuộc sống chung nên xin ly hôn. Chị Th đã thông báo cho anh biết về việc chị đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án Phúc Thọ giải quyết vắng mặt vì hiện nay chị Th đang làm việc, sinh sống tại thành phố B, tỉnh Đồng Nai, không thể đến Tòa án giải quyết ly hôn được.

Theo chị Mai Thị Th trình bày: Chị tự nguyện kết hôn với anh T và có đăng ký kết hôn tại UBND xã X vào ngày 29/11/2021. Quá trình chung sống, anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nên anh chị đã sống ly thân từ năm 2022. Đến nay, anh chị không thể hàn gắn được nên nay anh T xin ly hôn, chị đồng ý.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bình M, sinh ngày 20/10/2021. Cháu M đang với chị Th. Khi ly hôn, chị Th đề nghị được nuôi con và có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay, chị Th đang làm nghề may tại thành phố B, Đồng Nai, mức thu nhập của chị trung bình 7.000.000đ/tháng. Hiện chị đang tạm trú tại Số 76C5, Khu phố 11, phường T, TP B, tỉnh Đồng Nai. Chị Th xác định mình có thu nhập, có chỗ ở, đủ điều kiện nuôi con. Chị có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo mức 3.500.000đ/tháng. Anh T đồng ý giao cháu M cho chị Th nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con theo mức 3.500.000đ/tháng.

Về tài sản chung, công sức, về nợ: Không có.

Theo ông Khuất Văn Ch, trưởng thôn X, xã X, huyện P cung cấp thì: Anh Nguyễn Văn T là công dân thôn X kết hôn với chị Mai Thị Th là người Miền Nam. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn X, xã X và sinh được 01 con chung vào năm 2021. Từ giữa năm 2022, chị Th đã đưa con vào Miền Nam sinh sống, còn anh T vẫn sống cùng mẹ đẻ ở quê và anh chị không còn chung sống cùng nhau nữa.

Tại phiên tòa, anh T giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn chị Th và đồng ý giao cháu M cho chị Th nuôi, anh cấp dưỡng nuôi con theo mức 3.500.000đ/tháng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không có. Chị Th có đơn xin giải quyết vắng mặt và đồng ý với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh T. Chị Th đề nghị được nuôi cháu M và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, công sức; Về nợ: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước khi nghị án như sau: Việc Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền. Việc xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng đúng pháp luật. Thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo, việc chuyển hồ sơ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng đúng pháp luật. các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đề nghị HĐXX xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn, cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Mai Thị Th.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bình M, sinh ngày 20/10/2021 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 3.500.000đ/tháng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Về tài sản chung, công sức, nợ: Không có.

Về án phí: Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện xin ly hôn của anh Nguyễn Văn T. Bị đơn là chị Mai Thị Th có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã X, huyện P, Thành phố Hà Nội, tuy hiện nay chị Th đang cư trú tại Số 76C5, Khu phố 11, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai nhưng chị Th đã có văn bản đồng ý để Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ thụ lý giải quyết vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Th có đơn xin giải quyết vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt chị Th theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn T và chị Mai Thị Th kết hôn do tự nguyện. Anh chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện P vào ngày 29/11/2021 nên quan hệ hôn nhân của anh chị được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, anh T và chị Th đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh chị trình bày là do chị Th không quen nếp sống, phong tục tập quán Miền Bắc và muốn được quay trở lại Miền Nam sinh sống, anh T thì muốn ở lại quê để chăm sóc mẹ già, lo thờ cúng tổ tiên. Hai bên không thống nhất được việc này nên phát sinh mâu thuẫn. Do vậy, từ tháng 5/2022, chị Th đã đưa con vào tỉnh Đồng Nai sinh sống. Anh chị ly thân từ tháng 5/2022 cho đến nay, cả anh T và chị Th đều xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đồng thuận ly hôn.

HĐXX nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị Th đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, cho anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Mai Thị Th.

[2.2]. Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Bình M, sinh ngày 20/10/2021. Khi ly hôn, chị Th đề nghị được nuôi con và có yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T đồng ý giao con cho chị Th nuôi và cấp dưỡng nuôi con theo mức 3.500.000đ/tháng.

Xét thấy, nguyện vọng được nuôi con của chị Th là chính đáng. Chị Th có đủ điều kiện về chỗ ở và thu nhập để đảm bảo cho việc nuôi con. Anh T cũng đồng ý giao con cho chị Th nuôi và đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, HĐXX giao cháu M cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh T cấp dưỡng nuôi con theo mức 3.500.000đ/tháng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

[2.3]. Về tài sản chung, công sức, nợ: Anh chị đều xác định không có.

[3]. Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Anh T và chị Th có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án .

**Xử:** Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn T

+ Anh Nguyễn Văn T được ly hôn chị Mai Thị Th.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bình M, sinh ngày 20/10/2021 cho chị Th trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Anh T cấp dưỡng nuôi con chung theo mức 3.500.000đ/tháng kể từ tháng 4/2024 cho đến khi cháu M đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung, công sức, nợ chung: Không có.

+ Về án phí: Anh Nguyễn Văn T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013100 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội. Anh T phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng.

+ Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên

án sơ thẩm. Chị Mai Thị Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- UBND xã X;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Minh Loan**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**